

Số: 08 /2015/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 30/2013/TT-BYT ngày 04/10/2013 của Bộ Y tế ban hành Danh mục sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc hàng hóa thực hiện bình ổn giá;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 7073/TTr-STC ngày 05/12/2014 về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội; Văn bản số 921/STC-BG ngày 14/02/2015 của Sở Tài chính và Văn bản thẩm định số 432/STP-VBPQ ngày 12/02/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

1. Quy định cụ thể về định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND Thành phố.

a) Giao trách nhiệm xây dựng hoặc hướng dẫn xây dựng phương án giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

- Sở Giao thông vận tải:

+ Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá;

+ Đơn giá chuyên ngành giao thông do nhà nước đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích được thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Sở Xây dựng:

+ Giá sản phẩm dịch vụ công ích phục vụ công tác đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch các lĩnh vực: Xử lý nước thải; duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước đô thị; hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì công viên cây xanh; chăn nuôi chim thú trưng bày tại vườn thú Hà Nội; thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị;

+ Giá dịch vụ thoát nước tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước;

+ Giá nước sạch cho sinh hoạt tại đô thị, khu công nghiệp; giá nước sạch tối đa cho các mục đích sử dụng khác tại đô thị, khu công nghiệp;

+ Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

+ Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố ban hành định kỳ 5 năm một lần theo quy định của Luật Đất đai.

- Sở Công thương: Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; mức giá bán lẻ hàng hoá được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hoá, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Đơn giá đặt hàng làm nhiệm vụ duy trì, vận hành hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội của các Công ty Thủy lợi trên địa bàn Thành phố;

+ Đơn giá làm nhiệm vụ quản lý, duy tu công trình đê điều, công trình phân lũ và các công trình phòng chống thiên tai;

+ Đơn giá đặt hàng làm nhiệm vụ trồng và bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sinh thái;

+ Đơn giá đặt hàng làm nhiệm vụ duy trì sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

+ Giá nước sạch cho sinh hoạt tại nông thôn; giá nước sạch tối đa cho các mục đích sử dụng khác tại nông thôn;

+ Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng cho các dự án cụ thể.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Giá dịch vụ nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc Thành phố.

- Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Sau khi hoàn chỉnh phương án giá, các Sở, ngành có văn bản gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

c) Đối với đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước, giá đất cụ thể và các hàng hóa, dịch vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giá: Trách nhiệm của các Sở, ngành trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định phương án giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hóa, dịch vụ đó hoặc theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Quy định cụ thể một số nội dung về kê khai giá, đăng ký giá

a) Danh mục các hàng hóa dịch vụ phải kê khai giá

- Các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Giá dịch vụ cáp treo Chùa Hương;

- Giá vé thắng cảnh tại các thắng cảnh thuộc huyện Ba Vì gồm: Thiên Sơn - Suối Ngà, Thác Đa, Suối Tiên, Ao Vua, Hồ Tiên Sa, Hồ Đàm Long, Suối Mơ, Khoang Xanh.

b) Đối tượng phải kê khai giá, đăng ký giá: Các tổ chức, cá nhân có trụ sở chính hoặc chi nhánh hạch toán độc lập, có quyền quyết định giá trên địa bàn thành phố Hà Nội sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá, đăng ký giá theo quy định của pháp luật và nằm trong danh sách đối tượng phải kê khai giá, đăng ký giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá, đăng ký giá với đơn vị mình. Giao Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện việc thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá, đăng ký giá cho phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ khi cần thiết.

d) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu quản lý, các cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá, Biểu mẫu đăng ký giá phối hợp với các cơ

quan có liên quan rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá, đăng ký giá tại cơ quan mình cho phù hợp.

đ) Các tổ chức, cá nhân đã thực hiện kê khai giá, đăng ký giá theo Thông báo của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành khác không phải kê khai giá, đăng ký giá với Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá, đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có chi nhánh, đại lý) về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có chi nhánh, đại lý) ngay sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

e) Tổ chức, cá nhân phải nộp trả Văn bản kê khai giá, Biểu mẫu đăng ký giá đã được cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến nhưng cơ quan tiếp nhận đã có thông báo yêu cầu không được áp dụng mức giá kê khai, đăng ký hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình về các nội dung của Văn bản kê khai giá, Biểu mẫu đăng ký giá.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định về quản lý giá của thành phố Hà Nội trái với Quyết định này. Các quy định quản lý nhà nước về giá khác thực hiện theo quy định của Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố (để b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Tin học Công báo;
- Báo: Hà Nội mới, KTĐT;
- Đài Phát thanh Truyền hình Hà Nội;
- VPUB: Các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTh.

5351. 150

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu